

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HS-PT

Ngày: 07-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Mai Xuân Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Tô Văn Thịnh**

Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Minh Hồng** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông **Đặng Cao Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 03/2018/TLPT-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Đặng Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2017/HSST ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Minh T, sinh năm 1994 tại xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: thôn Đ, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc Kinh; giới tính: nam; tôn giáo không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quang C và bà Nguyễn Thị L; chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Ngọc T, có 01 con; không có tiền án, tiền sự; bị bắt khẩn cấp ngày 24/6/2017, tạm giữ từ ngày 25/6/2017 đến ngày 30/6/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình đến nay (Có mặt).

Người bị hại không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị (Tòa án không triệu tập):

- Chị Cao Thị H, sinh năm 1994, Nơi cư trú: thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Anh **Trần Hữu B**, sinh năm 1989, Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2015, Đặng Minh T vào thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng chơi và quen biết chị Cao Thị H. Chị H đã có gia đình, có chồng là Trần Hữu B và một con trai là Trần Gia B, sinh ngày 05/01/2014 nhưng hiện đang sống ly thân. T và chị H nảy sinh tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng, chị H đang mang thai 06 tháng với Đặng Minh T.

Ngày 15/6/2017, T vào thành phố Đà Lạt thăm chị H; do hết tiền và vì mâu thuẫn với anh B từ trước nên T nảy sinh ý định bắt cóc cháu Trần Gia B để yêu cầu anh B chuyển tiền cho T. Thấy T không có tiền lại không đi làm nên chị H nói với T là đưa chị H cùng cháu B đi đâu đó để T xin việc làm. Do có ý định bắt cóc cháu B nên T nói dối chị H là ở Ninh Bình T có anh, chị và có nhiều người quen nên ra là xin việc làm ngay. Chị H đồng ý. Ngày 22/6/2017, T, chị H và cháu B đi xe khách ra thành phố Ninh Bình. T gọi điện cho anh Vũ Thành Đ là bạn đang thuê trọ ở số nhà 43 đường Đ, thành phố N, bảo Đ nấu cơm để T đưa chị H và cháu B đến ăn cơm. Sau đó T, chị H, cháu B nghỉ ở nhà nghỉ Anh Khoa gần nơi Đ trọ. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/6/2017, T nói với chị H đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình khám thai và nhờ Đạt chở T, chị H và cháu B đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình. Chị H vào khám, vì không được mang theo cháu B nên T nói để T trông giúp. Chị H tin tưởng nên giao cháu B cho T. Chị H vào phòng khám thì T ở ngoài đưa cháu B ra cổng bệnh viện thuê xe ôm ra khu vực ngã tư Big C Ninh Phúc rồi bắt xe khách đi lên Hà Nội. T gọi cho anh Lê Đức T ở xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (là anh họ của T) hỏi mượn 1.000.000 đồng và nhờ anh Trị chở T và cháu B ra bến xe Gia Lâm đi xe khách lên thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Chị H khám thai xong ra không thấy T và cháu B đâu nên gọi điện nhưng T không nghe máy, chị H nhắn tin thì T nói dối là đưa cháu B về, gọi điện, nhắn tin T không trả lời nên chị H nói với T nếu không đưa cháu B về sẽ đến Công an trình báo sự việc. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày T nhắn tin, gọi điện thông báo cho chị H là đã bắt cháu B và nói dối đang ở biên giới Lạng Sơn để đánh lạc hướng chị H và Công an vì T lo sợ chị H báo công an. T yêu cầu chị H gọi điện cho anh Trần Hữu Bình chuẩn bị 100.000.000 đồng trước 12 giờ trưa ngày 24/6/2017 thì gửi cho T để chuộc cháu B nếu không T sẽ bán sang Trung Quốc. Nếu báo công an thì để tiền lại làm ma không

xác con. T đưa cháu B lên thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để trốn và ngủ lại trên xe để tránh bị phát hiện. Sáng ngày 24/6/2017, T đưa cháu B về thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. T gọi điện cho Bình không được, nên đã nhắn tin đe dọa chị H và yêu cầu chị H gửi trước 9.000.000 đồng để T có tiền ở lại để tiếp tục đòi tiền chuộc 100.000.000 đồng của anh B. Chị H lo sợ T làm hại cháu B nên gửi trước cho T 1.000.000 đồng. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24/6/2017, Đặng Minh T đang chờ rút tiền tại cửa hàng Viettel số 104, Kênh Liêm, tổ 13, phường C, thành phố H thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình kết hợp với Công an phường C, thành phố H bắt giữ T cùng với cháu Trần Gia B về trụ sở Công an phường C làm việc và ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Đặng Minh T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 152/2017/HSST ngày 05/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Minh T phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm đ, h khoản 2 Điều 134; điểm e khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đặng Minh T 8 (tám) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 24/6/2017.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/12/2017, bị cáo Đặng Minh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi đánh giá tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Minh T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 152/2017/HSST ngày 05/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Minh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố đẻ bị bệnh nhiều năm không có tiền chạy chữa do suy nghĩ không đúng nên bị cáo đã phạm tội mục đích lấy tiền giúp bố, mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Minh T làm trong hạn luật định phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đặng Minh T nhận tội và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, biên bản sự việc lập ngày 24/6/2017, vật chứng là chiếc điện thoại di động Nokia 1280 có lưu giữ các tin nhắn bị cáo đe dọa, bắt người bị hại đưa tiền chuộc đã được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Đã có đủ cơ sở để xác định bị cáo Đặng Minh T do không có tiền chi tiêu cá nhân đã bắt giữ cháu Trần Gia B sinh ngày 05/01/2014 là con của chị Cao Thị H và anh Trần Hữu B nhằm mục đích bắt anh B và chị H phải chuyển cho Đặng Minh T 100.000.000 (một trăm triệu) đồng T mới trả lại cháu B. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24/6/2017, khi bị cáo Đặng Minh T đang chờ rút tiền do chị H chuyển theo yêu cầu của T tại cửa hàng Viettel số 104, Kênh Liêm, tổ 13, phường C, thành phố H thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình bắt giữ. Hành vi của bị cáo Đặng Minh T đã phạm tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm đ, h khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 1999 như bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đặng Minh T thì thấy bị cáo T bị truy tố xét xử theo điểm đ, h khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 1999 là tội rất nghiêm trọng với hai tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là phạm tội *đối với trẻ em* và *Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng*. Cháu Trần Gia B khi bị T bắt cóc còn rất nhỏ, T lại luôn nhấn tin đe dọa nếu không gửi tiền chuộc sẽ bán cháu B sang Trung Quốc, nếu báo công an thì để tiền lại làm ma không xác con, thể hiện ý thức và quyết tâm phạm tội đến cùng của bị cáo, bất chấp sự van xin của chị H mẹ cháu B và chị H là người đang mang thai tháng thứ sáu với bị cáo. Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Đặng Minh T 08 (Tám) năm tù. Xem xét toàn diện vụ án thì thấy ngoài các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo như đã nêu trên, các tài liệu trong hồ sơ còn thể hiện bị cáo T phạm tội đối với chị Cao Thị H khi chị đang mang thai là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội đối với phụ nữ có thai" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; mục đích bị cáo phạm

tội nhằm chiếm đoạt 100 triệu đồng của những người bị hại, nhưng bị cáo chưa thực hiện được việc chiếm đoạt đến cùng vì bị chị H tố cáo và cơ quan điều tra phát hiện bắt giữ do đó bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "Phạm tội chưa đạt" quy định tại Điều 18 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm không áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nói trên đối với bị cáo là thiếu sót cấp phúc thẩm cần áp dụng bổ sung. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới, mặc dù áp dụng thêm các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mới nhưng mức hình phạt 08 năm tù mà bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp không nặng; vì vậy yêu cầu kháng cáo của bị cáo không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 152/2017/HSST ngày 05/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình về quyết định hình phạt đối với bị cáo T.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đặng Minh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Minh T; giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số 152/2017/HSST ngày 05/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Áp dụng điểm đ, h khoản 2 Điều 134; điểm e, h khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18; khoản 3 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Đặng Minh T 8 (tám) năm tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2017.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Đặng Minh T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 07/3/2018./.

Nơi nhân:

- TAND tối cao: 01 bản;
 - VKSND tỉnh: 02 bản;
 - Phòng KTNV-THA: 02 bản;
 - Phòng HSNVCA tỉnh: 01 bản;
 - TAND TP Ninh Bình: 03 bản;
 - Chi cục THADS TP Ninh Bình: 01 bản;
 - Công an TP Ninh Bình: 01 bản;
 - Bị cáo: 01 bản;
 - Sở Tư pháp: 01 bản;
 - Lưu hồ sơ: 02 bản;
 - Lưu toà HS: 01 bản;
 - Lưu HCTP: 01 bản;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Xuân Thành